Biểu mẫu số 14: Thuyết minh dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia/Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**THUYẾT MINH DỰ THẢO**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**Dự thảo TCVN “Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 21: Giống Sầu riêng”**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tổ chức chủ trì biên soạn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thời gian xây dựng: Năm 2024 – 2025.

**II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG**

**1. Tình hình đối tượng TCVN**

a) Tình hình trong nước

Cây sầu riêng được biết đến là một loại trái cây nhiệt đới có tên khoa học là *Durio zibethinus* Murr. Việt Nam hiện Sầu riêng được trồng chủ yếu ở 3 vùng sản xuất chính là Đồng bằng Sông Cửu Long, miền Đông Nam bộ và Tây Nguyên. Diện tích trồng sầu riêng vẫn đang tiếp tục mở rộng. Đến nay, cả nước có khoảng 15.000 ha. Thời vụ thu hoạch bắt đầu ở Đồng bằng Sông Cửu Long từ tháng 4 – 6, tiếp theo là miền Đông Nam bộ thu hoạch từ tháng 5 – 7 và Tây nguyên từ tháng 8 – 10. Tuy nhiên, do lợi thế quản lý được nước và áp dụng kỹ thuật xử lý ra hoa, ở Đồng bằng Sông Cửu Long có thể sản xuất rải vụ quanh năm, đây là một lợi thế của sầu riêng Việt Nam khi cạnh tranh với các nước trong khu vực.

Trong cơ cấu giống sầu riêng đang trồng, có 02 giống được trồng phổ biến là giống sầu riêng Dona (Monthong) có nguồn gốc từ Thái Lan nhập khẩu vào Việt Nam (được trồng đầu tiên năm 1991) đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận giống chính thức (Quyết định số 3713/QĐ-BNN-KHCN ngày 30/12/2005); và giống sầu riêng Ri6 (cây sầu riêng đầu dòng S2VL được trồng năm 1988) do Viện Cây ăn quả miền Nam phát hiện qua Hội thi Trái ngon (lần II ngày 08/6/1999), được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận tạm thời (Quyết định số 5309/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/11/2002) và được Cục Trồng trọt cấp Quyết định công nhận lưu hành đặc cách số 369/QĐ-TT-CCN ngày 10/10/2023. Các giống sầu riêng khác như Cơm vàng sữa hạt lép (sầu riêng Chín Hóa), Hạt lép Tiền Giang (sầu riêng Chuồng bò), Musang King, Black Thorn,… chiếm tỉ lệ nhỏ so với giống sầu riêng Dona và Ri6.

Việt Nam đã áp dụng một phương pháp tiếp cận riêng biệt bằng cách thu hoạch sầu riêng trực tiếp từ cây và làm chín trong quá trình vận chuyển. Các công nghệ nông nghiệp hiện đại và các phương pháp tiên tiến bao gồm cây giống chất lượng cao, hệ thống tưới tiêu tiên tiến, quản lý dịch hại tổng hợp và các kỹ thuật xử lý sau thu hoạch hiện đại đã cải thiện đáng kể sản lượng. Những cải tiến này đã làm tăng thị phần của Việt Nam tại Trung Quốc lên 41,5% vào năm 2024, với xuất khẩu sầu riêng đóng góp vào 1,53 triệu tấn sầu riêng nhập khẩu của Trung Quốc trị giá 6,83 tỷ đô la. Việc áp dụng các công nghệ này nhằm mục đích cải thiện năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường của sầu riêng Việt Nam so với các phương pháp truyền thống được sử dụng ở Thái Lan và Malaysia.

Về công tác chọn tạo giống Sầu riêng mới tại Việt Nam đã được Viện Cây ăn quả miền Nam bắt đầu từ năm 1994, trong đó công tác lai tạo giống được thực hiện từ năm 2008 đến nay (16 năm) đã chọn được 04 giống/dòng sầu riêng LĐ20, LĐ21, RM14, RM60 có năng suất cao, chất lượng quả ngon hơn so với các giống sầu riêng đang được trồng phổ biến trong sản xuất.

Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa có Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về khảo nghiệm DUS cho giống Sầu riêng, gây khó khăn trong việc thẩm định đơn đăng ký bảo hộ giống mới, đặc biệt trong bối cảnh số lượng giống Sầu riêng đang được xuất khẩu ngày càng nhiều và đa dạng về nguồn gốc, đặc điểm hình thái.

b) Tình hình quốc tế

Trên thế giới, sầu riêng được trồng ở Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philippine, Việt Nam, Ấn Độ, Srilanka, Campuchia.

- Thái Lan là nước sản xuất lớn nhất với tổng diện tích trồng sầu riêng là 186.905 ha. Năm 2021, nước này đã sản xuất được 1,21 triệu tấn sầu riêng, với giá trị thị trường vượt quá 1,4 tỷ đô la. Điều kiện khí hậu thuận lợi, kinh nghiệm sâu rộng của người nông dân và mạng lưới phân phối đã củng cố vị thế dẫn đầu của Thái Lan trong ngành sầu riêng. Khí hậu nhiệt đới của Thái Lan đặc trưng bởi độ ẩm cao, lượng mưa ổn định và nhiệt độ từ 24–30°C tạo điều kiện lý tưởng cho sự phát triển của sầu riêng. Ngay cả khi khối lượng xuất khẩu giảm 12,8% và giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc giảm 12,1% vào năm 2024, Thái Lan vẫn là nhà cung cấp hàng đầu, thu về 4 tỷ đô la từ xuất khẩu sầu riêng, mặc dù phải đối mặt với những thách thức kinh tế đối với người nông dân địa phương.

- Malaysia nổi tiếng với phương pháp thu hoạch sầu riêng tự nhiên, khi quả chín sẽ rơi xuống đất. Truyền thống này đã phát triển từ sản xuất quy mô nhỏ sang các dự án thương mại quy mô lớn, đặc biệt tập trung vào các giống cao cấp như Musang King. Malaysia tiếp tục nhắm đến Trung Quốc như một thị trường chính, với sản lượng dự kiến ​​vào năm 2025 là khoảng 443.000 tấn, đồng thời cũng có kế hoạch giải quyết các vấn đề về môi trường thông qua các hoạt động canh tác bền vững và các quy định chặt chẽ hơn.

Sầu riêng không chỉ là một loại trái cây; nó là một lực lượng kinh tế quan trọng đang định hình thị trường toàn cầu. Khi nhu cầu về sầu riêng tiếp tục tăng, đặc biệt là ở Châu Á, tác động của loại trái cây này đối với nền kinh tế của các quốc gia sản xuất sẽ chỉ tăng lên. Với những thách thức như biến đổi khí hậu và tính bền vững cần giải quyết, tương lai của ngành công nghiệp sầu riêng sẽ phụ thuộc vào sự đổi mới và các hoạt động canh tác có trách nhiệm. Sầu riêng vẫn là biểu tượng của tăng trưởng kinh tế và ý nghĩa văn hóa ở Đông Nam Á và xa hơn nữa.

Hiện nay, UPOV chưa ban hành hướng dẫn khảo nghiệm DUS chính thức cho giống Sầu riêng phục vụ công tác bảo hộ giống cây trồng. Vì vậy các quốc gia như Việt Nam muốn bảo hộ các giống Sầu riêng mới cần chủ động xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước.

**2. Lý do và mục đích xây dựng TCVN**

a) Lý do

- Đáp ứng yêu cầu pháp lý và cam kết quốc tế Việt Nam là thành viên chính thức của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV) từ năm 2006 và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của Công ước UPOV 1991. Theo Công ước này, để được cấp quyền bảo hộ giống cây trồng mới, giống đó phải trải qua khảo nghiệm DUS – tức phải được chứng minh có tính khác biệt (Distinctness), tính đồng nhất (Uniformity) và tính ổn định (Stability). Tuy nhiên, hiện nay UPOV chưa ban hành tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm DUS cho giống Sầu riêng, và Việt Nam cũng chưa có Tiêu chuẩn quốc gia nào tương ứng. Điều này dẫn đến khoảng trống pháp lý và kỹ thuật trong quá trình tiếp nhận, xử lý đơn đăng ký bảo hộ giống Sầu riêng mới, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân chọn tạo giống. Việc thiếu một tiêu chuẩn kỹ thuật chính thức về khảo nghiệm DUS khiến các giống mới không thể tiến hành thủ tục bảo hộ theo đúng quy định, hạn chế khả năng thương mại hóa, chuyển giao và phát triển giống.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giống cây trồng: Việc chưa có tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS khiến cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc thẩm định, phân biệt các giống Sầu riêng được biết đến rộng rãi với các giống đang đăng ký bảo hộ, đặc biệt khi có tranh chấp về quyền đối với giống cây trồng. Hệ thống khảo nghiệm hiện nay mới chỉ tập trung vào một số loài cây trồng chính như lúa, ngô, chưa đa dạng được các loài cây trồng. Việc thiếu tiêu chuẩn DUS làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng hệ thống khảo nghiệm chuyên nghiệp, làm chậm tiến độ thẩm định, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và quyền lợi của tác giả giống.

- Việc có một hệ thống tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS chính thức không chỉ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, mà còn giúp chứng minh nguồn gốc giống minh bạch, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ và bảo hộ giống tại thị trường nước ngoài.

b) Mục đích

- Thiết lập hành lang pháp lý và kỹ thuật cho công tác khảo nghiệm DUS giống Sầu riêng: TCVN về khảo nghiệm DUS đối với giống Sầu riêng sẽ là tài liệu chính thức quy định các yêu cầu, phương pháp và tiêu chí kỹ thuật để đánh giá một giống Sầu riêng mới có đủ điều kiện được cấp bằng bảo hộ hay không. Đây là căn cứ để các cơ quan chức năng, tổ chức khảo nghiệm và các bên liên quan triển khai hoạt động khảo nghiệm một cách thống nhất, minh bạch và đúng quy định.

- Làm cơ sở để xử lý hồ sơ đăng ký bảo hộ giống Sầu riêng: Việc có TCVN DUS sẽ giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm sự phụ thuộc vào tài liệu nước ngoài hoặc tài liệu không chính thức, đảm bảo tính khách quan trong quá trình thẩm định, nâng cao hiệu quả công tác cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Tăng cường năng lực hệ thống khảo nghiệm trong nước: Tiêu chuẩn sẽ là căn cứ để công nhận các tổ chức khảo nghiệm DUS giống Sầu riêng, đào tạo cán bộ chuyên môn, thiết lập hệ thống cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật phù hợp với đặc thù của loài cây trồng này. Qua đó, góp phần xây dựng một hệ thống khảo nghiệm bài bản, chuyên nghiệp, từng bước tự chủ kỹ thuật trong nước.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa giống: Tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng là cơ sở để các nhà chọn giống yên tâm đầu tư nghiên cứu, chọn tạo giống mới, đồng thời tạo điều kiện để thương mại hóa giống thông qua chuyển giao, hợp tác sản xuất, nhân giống. Điều này góp phần nâng cao giá trị kinh tế của ngành sản xuất rau và tạo động lực phát triển bền vững.

- Tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác song phương trong bảo hộ giống cây trồng: TCVN khảo nghiệm DUS giống Sầu riêng sẽ là căn cứ để Việt Nam tham gia trao đổi, công nhận kết quả khảo nghiệm DUS với các quốc gia thành viên UPOV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ và thương mại hóa giống mướp ra thị trường khu vực và thế giới.

**II. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN**

**1. Tóm tắt phần chính của Tiêu chuẩn**

Giống cây nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) - Phần 21: Giống Sầu riêng

1. Phạm vi áp dụng

2. Tài liệu viện dẫn

3. Thuật ngữ và định nghĩa

3.1. Giống khảo nghiệm

3.2. Giống tương tự

3.3. Tính trạng đặc trưng

3.4. Cây khác dạng

4. Các từ viết tắt

5. Yêu cầu kỹ thuật

5.1. Yêu cầu về các tính trạng đặc trưng của giống

5.2. Yêu cầu về phương pháp khảo nghiệm

5.2.1. Yêu cầu vật liệu khảo nghiệm

5.2.1.1. Giống khảo nghiệm

5.2.1.2. Giống tương tự

5.2.2. Phân nhóm giống khảo nghiệm

5.2.3. Phương pháp bố trí thí nghiệm

5.2.3.1. Thời gian khảo nghiệm

5.2.3.2. Điểm khảo nghiệm

5.2.3.3. Bố trí thí nghiệm

5.2.4. Phương pháp đánh giá

5.2.4.1. Đánh giá tính khác biệt

5.2.4.2. Đánh giá tính đồng nhất

5.2.4.3. Đánh giá tính ổn định

6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị để khảo nghiệm

Phụ lục A (tham khảo): Bảng tính trạng đặc trưng

Phụ lục B (quy định): Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống Sầu riêng

Phụ lục C (tham khảo): Hướng dẫn kỹ thuật canh tác

Phụ D: Giải thích, minh hoạ và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng.

Phụ lục tài liệu tham khảo

**2. Giải thích những quy định trong Tiêu chuẩn** (*Giải thích, làm rõ căn cứ khoa học và thực tiễn của những chỉ tiêu/quy định tại phần nội dung kỹ thuật của dự thảo; Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áo dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn*)

**2.1. Căn cứ khoa học và thực tiễn đối với các nội dung của dự thảo**

a) Căn cứ khoa học

Dự thảo tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống hướng dẫn kỹ thuật của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV), gồm:

- TG/1/3 – Hướng dẫn chung về khảo nghiệm DUS và xây dựng bảng mô tả giống một cách hài hòa.

- TGP/8/1 – Phương pháp bố trí thí nghiệm và các biện pháp kỹ thuật trong khảo nghiệm.

- TGP/9/1, 10/1, 11/1 – Hướng dẫn cụ thể đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định.

Các tài liệu trên đảm bảo rằng quy trình khảo nghiệm được xây dựng theo nguyên tắc khoa học, chuẩn hóa và có khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế. Ngoài ra, cấu trúc bảng tính trạng và phương pháp đánh giá cũng sử dụng mã hóa, ký hiệu, phương pháp theo dõi, đánh giá các tính trạng (VG, VS, MS, MG…) thống nhất với hệ thống của UPOV, giúp đảm bảo tính khách quan, dễ dàng và thuận lợi trong quá trình tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo khảo nghiệm DUS.

b) Căn cứ thực tiễn:

Việc xây dựng dự thảo TCVN khảo nghiệm DUS giống Sầu riêng được thực hiện trên cơ sở khảo sát, thu thập và tổng hợp thực tiễn canh tác, sản xuất và chọn tạo giống Sầu riêng tại Việt Nam. Cụ thể:

- Sầu riêng là cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế rất cao.

- Thu thập các giống Sầu riêng đã và đang được trồng tại Việt Nam, từ đó đưa ra các đặc điểm khác biệt về chất lượng giống, hình thái, thời gian sinh trưởng..

- Hiện chưa có tài liệu DUS chính thức nào của UPOV áp dụng cho Sầu riêng, cũng như chưa có TCVN tương đương, gây khó khăn trong việc cấp bằng bảo hộ giống.

**2.2. Khảo sát thực địa phục vụ xây dựng nội dung dự thảo TCVN**

Để xây dựng bảng tính trạng đặc trưng, Ban soạn thảo đã thực hiện khảo sát thực tế các giống Sầu riêng đang được sản xuất phổ biến trong nước và tham khảo cơ sở dữ liệu giống tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống (Viện Cây ăn quả Miền Nam, Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp Tây Nguyên, các hợp tác xã trồng Sầu riêng tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

a) Căn cứ lựa chọn tính trạng

Các tính trạng được lựa chọn đưa vào bảng tính trạng đặc trưng dựa trên 3 nguyên tắc:

- Tính di truyền ổn định và ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh;

- Có khả năng quan sát hoặc đo lường được bằng phương pháp khách quan, khoa học;

- Có tính phân biệt rõ ràng giữa các giống (nhằm phục vụ mục tiêu phân biệt giống trong khảo nghiệm DUS).

Bảng tính trạng trong dự thảo bao gồm 53 tính trạng, trong đó có cả tính trạng định tính (PQ), định lượng (QN) và giả định tính (QL), sử dụng các mã số theo thang điểm UPOV để đảm bảo chuẩn hóa và khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế.

b) Phân loại và minh họa tính trạng

- Các tính trạng được phân theo loại (VG, VS, MS, MG...) và được ghi chú rõ ràng trong bảng cùng phương pháp quan sát (trực quan hoặc đo đếm), hình thức ghi nhận (cá thể hay nhóm), kết hợp với minh họa trong Phụ lục A để giúp cán bộ khảo nghiệm dễ dàng nhận diện và thực hiện đánh giá.

- Một số tính trạng đặc biệt quan trọng và được đánh dấu (\*) để đảm bảo luôn phải sử dụng trong mô tả giống.

c) Khả năng ứng dụng trong thực tiễn

Bảng tính trạng được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với điều kiện sản xuất, khảo nghiệm tại Việt Nam. Ví dụ:

- Thời gian ra hoa, thu hoạch: đo đếm cụ thể theo số ngày khi ra hoa đến thu hoạch thương phẩm;

- Kích thước lá, hoa, quả: đo bằng thước trên đồng ruộng;

Các nội dung kỹ thuật trong Dự thảo TCVN DUS giống Sầu riêng được xây dựng chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao. Việc ban hành tiêu chuẩn này sẽ tạo nền tảng quan trọng để triển khai khảo nghiệm DUS, thẩm định và bảo hộ giống Sầu riêng một cách minh bạch, chính xác, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn trong nước.

**3. Tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

**3.1. Tính ưu việt của dự thảo Tiêu chuẩn**

- Xây dựng tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS dành riêng cho giống Sầu riêng tại Việt Nam phục vụ trong hoạt động khảo nghiệm, thẩm định và công tác bảo hộ giống Sầu riêng mới.

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hài hòa với hệ thống UPOV: Cấu trúc, phương pháp đánh giá và quy trình khảo nghiệm tuân thủ theo hướng dẫn TG/1/3, TGP/8, TGP/9, TGP/10, TGP/11 của UPOV. Điều này giúp Việt Nam tăng cường khả năng công nhận lẫn nhau trong khảo nghiệm DUS, thuận lợi cho xuất khẩu giống và hội nhập quốc tế.

- Bảng tính trạng đặc trưng toàn diện, khoa học và dễ áp dụng: Với 53 tính trạng được lựa chọn dựa trên khảo sát thực tế và phân tích chuyên môn, bảng tính trạng phản ánh đầy đủ sự đa dạng hình thái và khả năng phân biệt giữa các giống Sầu riêng, đồng thời được minh họa rõ trong phụ lục minh hoạ và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng.

- Quy định chi tiết về vật liệu khảo nghiệm và điều kiện thực hiện: Dự thảo quy định rõ số lượng và chất lượng vật liệu khảo nghiệm, yêu cầu về cơ sở vật chất – tạo cơ sở đồng bộ trong tổ chức khảo nghiệm giữa các đơn vị.

- Phù hợp với năng lực tổ chức khảo nghiệm trong nước: Cách bố trí thí nghiệm, quy mô, phương pháp đánh giá đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi triển khai.

**3.2 Những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

Nhằm hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về “Giống cây trồng nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 21: Giống Sầu riêng”, các cơ quan, tổ chức và cá nhân được đề nghị tập trung góp ý vào các nội dung chính sau:

a) Tính đầy đủ, hợp lý và khả thi của bảng tính trạng đặc trưng

- Số lượng tính trạng (53 tính trạng) có phản ánh đầy đủ các đặc điểm hình thái và sinh học quan trọng để phân biệt giữa các giống Sầu riêng được biết đến rộng rãi và giống đăng ký bảo hộ.

- Các tính trạng định tính, định lượng, giả chất lượng đã phù hợp chưa. Có nên đề xuất bổ sung/bỏ bớt tính trạng nào không.

- Cách phân loại mã số trạng thái biểu hiện, thang điểm (1–9) và cách ghi nhận (VG, VS, MS, MG...) có dễ hiểu và phù hợp với điều kiện triển khai tại đơn vị không.

\* Gợi ý: Đặc biệt chú ý các tính trạng đánh dấu (\*), vì đây là các tính trạng bắt buộc phải sử dụng trong Bảng tính trạng đặc trưng của giống và trong cả hai vụ khảo nghiệm.

b) Yêu cầu về vật liệu khảo nghiệm và giống tương tự

- Số lượng cây giống gửi khảo nghiệm tối thiểu 15 có phù hợp hay không.

- Quy định về việc đề xuất giống tương tự và so sánh với giống khảo nghiệm trong tờ khai kỹ thuật có rõ ràng, dễ áp dụng không.

c) Quy định bố trí thí nghiệm và phương pháp khảo nghiệm

- Phương pháp đánh giá tính khác biệt, đồng nhất và ổn định có rõ ràng, dễ áp dụng không.

d) Các phụ lục và biểu mẫu đính kèm

Phụ lục B: Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống Nhãn có dễ sử dụng, đầy đủ và cần bổ sung thông tin gì không.

 Phụ lục C: Hướng dẫn kỹ thuật canh tác về quy trình kỹ thuật canh tác có phù hợp với các vùng sản xuất thực tế hay cần điều chỉnh hay không.

 Phụ D: Giải thích, minh hoạ và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng rõ ràng cách theo dõi, đánh giá các tính trạng chưa.đ) Ngôn ngữ và cách diễn đạt trong tiêu chuẩn

- Cách trình bày, diễn giải các thuật ngữ chuyên môn, ký hiệu có rõ ràng, nhất quán và dễ hiểu đối với cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp giống, tổ chức khảo nghiệm không.

- Cần rà soát các lỗi đánh máy, từ ngữ chưa thống nhất giữa phần kỹ thuật và phụ lục.

***Lưu ý chung khi góp ý:***

- Góp ý cần ghi rõ điểm chưa phù hợp, đề xuất sửa đổi cụ thể, và nêu lý do.

- Khuyến khích gửi kèm minh họa, ví dụ thực tiễn (nếu có), đặc biệt với các tính trạng về hình thái hoặc kinh nghiệm thực tế.